

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2023/DS-ST  
Ngày: 04/04/2023  
V/v “Tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Văn Phương.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Huỳnh Văn Nam.
2. Ông Phạm Ngọc Nguyên.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thu Thảo là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh A.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Ông Lê Hoàng Nhựt - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 04 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 25/2023/TLST-DS ngày 11 tháng 01 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2023/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 86/2023/QĐST-DS ngày 14 tháng 03 năm 2023, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q (viết tắt NCB)

Địa chỉ trụ sở: số 28C – 28D phố B, phường H, quận HK, thành phố H.

Địa chỉ liên lạc: số 175 đường K, phường A, quận B, thành phố H.

*Người đại diện theo pháp luật:* Bà Bùi Thị Thanh H – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Tống Long H – Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ.

Địa chỉ: số 175 đường K, phường A, quận B, thành phố H. Theo giấy ủy quyền số 284/2022/UQ-NCB, ngày 05/12/2022 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q (có mặt).

2. Bị đơn:

2.1. Ông Đinh Lễ N, sinh năm 1969 (vắng mặt);

2. Bà Trần Thị Thùy T, sinh năm 1970 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: số 42/5 đường N, phường M, thành phố L, tỉnh A.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện ngày 05/12/2022, ý kiến trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q do ông Tống Long H đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 06/12/2017 Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q (viết tắt là Ngân hàng) và ông Đinh Lễ N, bà Trần Thị Thùy T thỏa thuận ký kết hợp đồng cho vay kiêm khế ước nhận nợ số 240/17/HĐCV/9381, số tiền vay 3.876.000.000, thời hạn 84 tháng, lãi suất từ ngày giải ngân đến 06/12/2018 là 8,5%/năm, các kỳ tiếp theo được điều chỉnh 03 tháng/lần bằng lãi suất cơ sở cộng thêm biên độ 4,0%/năm, mục đích vay thanh toán tiền mua xe ô tô.

Sau khi thỏa thuận thống nhất, Ngân hàng đã chuyển 3.876.000.000đ cho ông N, bà T theo số tài khoản tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 4 để ông N, và T trả tiền mua bán xe.

Để bảo đảm khoản vay, ông N và bà T đã thế chấp gồm 04 chiếc xe ô tô hãng Ford Transit, 10 chỗ theo hợp đồng thế chấp ô tô số 240/17/HĐTC-9381 ngày 06/12/2017 với Ngân hàng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông N và bà T không thực hiện đúng các kỳ hạn trả nợ gốc và lãi quy định theo hợp đồng nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu buộc ông Đinh Lễ N và bà Trần Thị Thùy T liên đới trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền: 3.478.485.759đ. Trong đó, tiền vốn 1.901.174.455, tiền lãi trong hạn 967.102.386đ, tiền lãi quá hạn 410.043.456đ, tiền lãi chậm trả 200.165.473đ, yêu cầu tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận trong hợp đồng vay kiêm khế ước nhận nợ đã ký kết cho đến khi trả dứt nợ cho Ngân hàng.

Đối với hợp đồng thế chấp ô tô số 240/17/HĐTC-9381, ngày 06/12/2017 Ngân hàng đã thỏa thuận bán đấu giá để thu hồi một phần tiền nên không yêu cầu Tòa án xem xét đối với tài sản thế chấp.

Trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Đinh Lễ N, bà Trần Thị Thùy T vắng mặt không có lý do, không ý kiến trình bày, không đưa ra yêu cầu phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q do bà Tống Long H đại diện theo ủy quyền trình bày:

Yêu cầu ông N, bà T thanh toán số tiền số tiền: 3.478.485.759đ. Trong đó, tiền vốn 1.901.174.455, tiền lãi trong hạn 967.102.386đ, tiền lãi quá hạn

410.043.456đ, tiền lãi chậm trả 200.165.473đ, yêu cầu tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận trong hợp đồng vay kiêm khế ước nhận nợ đã ký kết cho đến khi trả dứt nợ cho Ngân hàng. Đối với hợp đồng thế chấp ô tô số 240/17/HĐTC-9381, ngày 06/12/2017 Ngân hàng bán đấu giá thu hồi một phần tiền vốn nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố L:

Về tố tụng: Về thẩm quyền giải quyết, quan hệ pháp luật tranh chấp; Tòa án xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý giải quyết đúng thẩm quyền và thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia do Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ thông qua xác minh sự có mặt của đương sự tại nơi cư trú đối với bị đơn theo khoản 2 Điều 21, Điểm h khoản 2 Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của các đương sự tham gia tố tụng: Đối với nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự về quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn. Đối với bị đơn ông N, bà T chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về giải quyết nội dung vụ án:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và trình bày của đương sự tại phiên tòa hôm nay, xét thấy: Ngày 06/12/2017 Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q và ông Đinh Lễ N, bà Trần Thị Thùy T thỏa thuận ký kết hợp đồng vay tài sản theo Hợp đồng cho vay kiêm khế ước nhận nợ số 240/17/HĐCV/9381, số tiền vay 3.876.000.000, thời hạn cho vay 84 tháng, lãi suất kể từ ngày giải ngân đầu tiên cho đến ngày 06/12/2018 là 8,5%/năm, các kỳ tiếp theo của lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/lần bằng lãi suất cơ sở cộng thêm biên độ 4,0%/năm. Tài sản bảo đảm cho số tiền vay phía ông L và bà T đã thế chấp gồm 04 chiếc xe ô tô hãng Ford Transit, 10 chỗ theo hợp đồng thế chấp ô tô số 240/17/HĐTC-9381 ngày 06/12/2017. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông N và bà T đã trả tiền vốn 1.128.151.508đ, tiền lãi 532.417.199đ. Tính đến ngày 28/06/2022 ông N và bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng xử lý tài sản đảm bảo là 4 xe hiệu Ford Transit với giá trị 846.674.047đ để trừ vào tiền vốn. Tính đến ngày 02/12/2022 ông N và bà T chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng yêu cầu ông bà trả tiền vốn gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn và lãi chậm trả và tiếp tục trả lãi phát sinh cho đến khi thanh toán dứt nợ cho Ngân hàng.

Đối với ông N và bà T mặc dù đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, không tham gia các phiên hòa giải, công khai chứng cứ, không trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Do đó, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thể hiện các bên có giao kết hợp đồng trên cơ sở tự nguyện, không trái đạo đức xã hội,

không vi phạm pháp luật, nội dung các bên đã thỏa thuận quyền và nghĩa vụ, số tiền vay, mục đích vay và thời hạn, phương thức trả nợ nên giao kết hợp đồng giữa các bên có giá trị pháp lý theo quy định pháp luật. Vì vậy Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông N và bà T thực hiện nghĩa vụ trả tiền vốn, lãi là có cơ sở theo quy định tại các Điều 463, 466, 470 Bộ luật dân sự 2015; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi Nêu cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Qdo ông Tống Long H đại diện theo ủy quyền có mặt. Bị đơn ông Đinh Lễ N, bà Trần Thị Thùy T vắng mặt. Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng nơi cư trú của ông N, bà T theo địa chỉ nguyên đơn cung cấp và Công an phường M, thành phố L xác nhận ông Đinh Lễ N, bà Trần Thị Thùy T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ số 42/5 đường Nguyễn Du, phường M Thành phố L, tỉnh A nhưng bán nhà đi khỏi địa phương. Việc ông N, bà T bán nhà đi nơi khác nhưng không thông báo cho Ngân hàng biết là cố tình giấu địa chỉ theo quy định tại Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/05/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Do đó, Tòa án đã tiến hành tổng đạt và niêm yết công khai các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng tại phiên tòa ông N và bà T vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn ông Đinh Lễ N, bà Trần Thị Thùy T là phù hợp quy định pháp luật.

[2] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo nội dung khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Qtranh chấp về số tiền theo hợp đồng vay tài sản theo Hợp đồng cho vay kiêm khế ước nhận nợ số 240/17/HĐCV/9381. Bị đơn có nơi cư trú tại số 42/5 đường Nguyễn Du, phường M, thành phố L, tỉnh A được thể hiện theo hợp đồng. Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng phù hợp quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự 2015 nên quan hệ pháp luật được xét là tranh chấp hợp đồng vay tài sản và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh A theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Nội dung vụ án:

[3.1] Ngân hàng Thương mại Cổ phần Qvà ông Đinh Lễ N, bà Trần Thị Thùy T có xác lập Hợp đồng cho vay kiêm khế ước nhận nợ số 240/17/HĐCV/9381 ngày 06/12/2017, số tiền vay 3.876.000.000, thời hạn cho vay 84 tháng, lãi suất

kể từ ngày giải ngân đầu tiên cho đến ngày 06/12/2018 là 8,5%/năm, các kỳ tiếp theo của lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/lần bằng lãi suất cơ sở cộng thêm biên độ 4,0%/năm. Việc ký kết hợp đồng, giao nhận tiền giữa các bên trên cơ sở tự nguyện, nội dung và hình thức của hợp đồng phù hợp quy định tại Điều 116, 117, 119 Bộ luật dân sự năm 2015 và phù hợp Điều 90, 91, 94, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên có giá trị pháp lý và làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng là phù hợp quy định pháp luật.

[3.2] Xét các tài liệu, chứng cứ đương sự cung cấp, ý kiến trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử căn cứ theo thỏa thuận của các bên trong Hợp đồng cho vay kiêm khế ước nhận nợ số 240/17/HĐCV/9381 và quá trình thực hiện hợp đồng, ông N và bà T đã được Ngân hàng cho vay số tiền 3.876.000.000 đồng, nhưng đến nay bị đơn chưa thanh toán cho Ngân hàng số tiền 3.478.485.759đ. Trong đó, tiền vốn 1.901.174.455, tiền lãi trong hạn 967.102.386đ, tiền lãi quá hạn 410.043.456đ, tiền lãi chậm trả 200.165.473đ là vi phạm Điều 2, Điều 3, Điều 7 của hợp đồng tín dụng. Trong quá trình giải quyết, Tòa án tiến hành ban hành các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật cho ông N và bà T nhưng ông bà vắng mặt, không có ý kiến trình bày, yêu cầu đối với Ngân hàng và không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án xem xét, giải quyết. Việc ông N và bà T vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết pH chịu hậu quả pháp lý theo quy định. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông N và bà T có trách nhiệm trả nợ vốn, lãi tổng cộng 3.478.485.759đ là có căn cứ chấp nhận.

[4] Đối với hợp đồng thế chấp ô tô số 240/17/HDDTCTS-9381, ngày 06/12/2017 Ngân hàng đã bán đấu giá tài sản và thu hồi một phần tiền nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

[5] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc ông N và bà T liên đới trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q số tiền 3.478.485.759đ. Trong đó, tiền vốn 1.901.174.455, tiền lãi trong hạn 967.102.386đ, tiền lãi quá hạn 410.043.456đ, tiền lãi chậm trả 200.165.473đ là phù hợp quy định pháp luật.

[5] Về án phí sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q được chấp nhận nên Ngân hàng được nhận lại số tiền 50.166.000đ tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án đã nộp theo biên lai thu số 0001219, ngày 09/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh A. Ông Đinh Lễ N, bà Trần Thị Thùy T liên đới trách nhiệm nộp 101.569.715đ tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 179, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 233, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 116, Điều 117, Điều 119, Điều 463, Điều 466, Điều 470, Điều 562, Điều 563 của Bộ luật dân sự 2015;

Điều 90, Điều 91, Điều 94, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017 hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 bộ luật tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án.

Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9, Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q đối với ông Đinh Lễ N, bà Trần Thị Thùy T. Buộc ông Đinh Lễ N, bà Trần Thị Thùy T liên đới trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q số tiền: 3.478.485.759đ (ba tỷ, bốn trăm bảy mươi tám triệu, bốn trăm tám mươi lăm ngàn, bảy trăm năm mươi chín đồng). Trong đó, tiền vốn 1.901.174.455, tiền lãi trong hạn 967.102.386đ, tiền lãi quá hạn 410.043.456đ, tiền lãi chậm trả 200.165.473đ.

Kể từ ngày 05 tháng 04 năm 2023, ông N và bà T còn pH tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay pH tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Về án phí sơ thẩm:

Trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q số tiền 50.166.000đ tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án đã nộp theo biên lai thu số 0001219, ngày 09/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh A.

Ông Đinh Lễ N, bà Trần Thị Thùy T liên đới trách nhiệm nộp 101.569.715đ tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Ông Đinh Lễ N, bà Trần Thị Thùy T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

(Đã giải thích Điều 26 Luật thi hành án dân sự).

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND TPLX;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Văn Phương**